ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3027/TTr-UBND	*Quảng Trị, ngày 05 tháng 7 năm 2019*

TỜ TRÌNH

V/v Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Đề án "Phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Đề án "Phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" với các nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đóng vai trò chủ lực trong việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, học sinh giỏi; cơ sở tạo nguồn đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao cho Quảng Trị nói riêng và cả nước nói chung. Trường đã tạo được đội ngũ học sinh có kiến thức, năng lực chuyên môn, giỏi một số lĩnh vực; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, phẩm chất đạo đức tốt; lòng yêu lao động và có tinh thần trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình và xã hội. Là mô hình giáo dục được đầu tư trọng điểm thực hiện đồng thời triết lý giáo dục tinh hoa và đại chúng, đảm bảo giáo dục toàn diện, tạo môi trường giáo dục tích cực, thân thiện được học sinh, phụ huynh và xã hội tin tưởng, ủng hộ.

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tích được các cấp bộ ngành và nhân dân ghi nhận, nhưng trong xu hướng chung về sự phát triển và hội nhập, Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn vẫn còn những hạn chế nhất định: Chương trình, sách giáo khoa, tài liệu cho môn chuyên còn thiếu và không cập nhật kịp thời; chủ yếu trông chờ vào sự quan tâm trách nhiệm của giáo viên giảng dạy. Việc khai thác nguồn tài liệu thông qua mạng Internet của giáo viên và học sinh vẫn còn nhiều hạn chế nhất định do trình độ ngoại ngữ của các giáo viên chưa đồng bộ. Trình độ năng lực của một số giáo viên chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của Trường chuyên nói chung và nhu cầu bộ môn nói riêng. Chế độ chính sách chưa tương xứng với sự cống hiến của thầy, cô giáo và làm hạn chế sự tìm tòi sáng tạo của học sinh. Công tác tuyển sinh hiện nay chưa khoa học, vẫn bỏ sót một số học sinh năng khiếu do chương trình phát hiện, tuyển chọn từ lớp dưới chưa có, chỉ dựa trên một số bài kiểm tra lý thuyết. Diện tích khuôn viên, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị dạy học vẫn còn thiếu; kinh phí còn hạn hẹp, chưa phù hợp với yêu cầu cao của giáo dục toàn diện và nhiệm vụ bồi dưỡng, phát triển tài năng... Trên những cơ sở và đánh giá chung đó việc xây dựng "Đề án phát triển trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" là hết sức cần thiết, mang tính cấp bách và thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Mục đích

Tiếp tục xây dựng và phát triển Trường trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn trở thành một cơ sở giáo dục trung học có chất lượng giáo dục cao, đạt chuẩn quốc gia. Trang thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phát hiện những học sinh có tư chất thông minh, đạt kết quả xuất sắc trong học tập. Bồi dưỡng thành những người có lòng yêu đất nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc; có ý thức tự lực; có nền tảng kiến thức vững vàng; có phương pháp tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo; có sức khỏe tốt để tạo nguồn tiếp tục đào tạo thành nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế;

Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn sẽ là hình mẫu của các trường trung học phổ thông về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, về công tác quản lý chỉ đạo và tổ chức các hoạt động giáo dục; trở thành trung tâm bồi dưỡng giáo viên, trung tâm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của tỉnh Quảng Trị;

Là trường trọng điểm của tỉnh thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục; là cơ sở giáo dục chất lượng cao để cung cấp nguồn tuyển sinh cho các trường Đại học trong nước và nước ngoài.

2. Quan điểm chỉ đạo

Xây dựng và phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn Quảng Trị với cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, hiện đại hóa; đội ngũ giáo viên giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, trở thành một trong những trung tâm giáo dục chất lượng cao trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao về việc chuẩn bị các đề án phục vụ kỳ họp thứ 10 - HĐND tỉnh Khoá VII, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) được UBND tỉnh giao chủ trì soạn thảo "Đề án phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Đề án đã được tiến hành lấy ý kiến theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:

- Xây dựng dự thảo "Đề án phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Tổ chức hội thảo lấy ý kiến 2 lần và đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh về Dự thảo "Đề án phát triển Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Thành phần tham gia hội thảo gồm đại diện Ủy ban MTTQVN tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Lãnh đạo UBND thành phố Đông Hà; Ban giám hiệu Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn.

- UBND tỉnh đã tổ chức họp lấy ý kiến các Ủy viên UBND tỉnh về Đề án.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN

1. Bố cục: Đề án bao gồm ba phần:

- Phần thứ nhất: Sự cần thiết xây dựng đề án;

- Phần thứ hai: Thực trạng của Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn;

- **Phần thứ ba:** Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để phát triển trường chuyên giai đoạn 2025, định hướng đến 2030.

2. Nội dung cơ bản

- Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý

- Xây dựng kế hoạch phát triển, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Đổi mới chương trình, tài liệu dạy học và tuyển sinh

+ Đổi mới chương trình, tài liệu dạy học

+ Đổi mới phương thức tuyển sinh

- Đẩy mạnh hợp tác khu vực và quốc tế

- Tăng cường các nguồn lực đầu tư và chế độ, chính sách cho giáo viên, học sinh

+ Tăng cường các nguồn lực đầu tư

+ Chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh

- Đổi mới công tác quản lý

3. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

3.1. Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 85 tỷ đồng, bao gồm:

- Dự án 1: Xây dựng cơ bản và sửa chữa: 50 tỷ đồng

- Dự án 2: Mua sắm trang thiết bị: 25 tỷ đồng

- Dự án 3: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh: 5 tỷ đồng

- Dự án 4: Hợp tác trong nước và quốc tế: 5 tỷ đồng

3.2. Nguồn vốn và phân theo kỳ đầu tư:

3.2.1. Nguồn vốn đầu tư: 85 tỷ đồng; Trong đó:

+ Vốn đối ứng địa phương: 29,91 tỷ đồng;

+ Vốn Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (ADB): 12,04 tỷ đồng;

+ Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương: 32 tỷ đồng;

+ Nguồn huy động đóng góp từ nhân dân, các tổ chức kinh tế, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác: 11,05 tỷ đồng;

3.2.2. Phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 2019 - 2020: 14,95 tỷ đồng; Trong đó:

+ Vốn đối ứng địa phương: 2,91 tỷ đồng;

+ Vốn Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (ADB): 12,04 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025: 32 tỷ đồng; Trong đó:

+ Vốn đối ứng địa phương: 12 tỷ đồng;

+ Vốn ngân sách Trung ương: 15 tỷ đồng;

+ Nguồn huy động đóng góp từ nhân dân, các tổ chức kinh tế, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác: 5 tỷ đồng;

- Giai đoạn 2026-2030: 38,05 tỷ đồng; Trong đó:

+ Vốn đối ứng địa phương: 15 tỷ đồng;

+ Vốn ngân sách Trung ương: 17 tỷ đồng;

+ Nguồn huy động đóng góp từ nhân dân, các tổ chức kinh tế, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác: 6,05 tỷ đồng;

3.3. Nguồn kinh phí chi thường xuyên

3.4. Nguồn huy động đóng góp từ nhân dân, các tổ chức kinh tế, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch,các PCTUBND tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, VX.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chính

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3026 /ĐA-UBND	*Quảng Trị, ngày 05 tháng 7 năm 2019*

ĐỀ ÁN
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN ĐẾN NĂM 2025 , ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Trước sự phát triển của khoa học – công nghệ, sự vươn lên mạnh mẽ của các nền kinh tế, quá trình hội nhập và toàn cầu hóa đặt ra cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đặc biệt đối với giáo dục và đào tạo chất lượng cao những cơ hội và thách thức mới.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, hệ thống các trường trung học phổ thông chuyên nói chung đã đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu nhằm đào tạo nên các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân giỏi cho việc xây dựng và phát triển đất nước.

Với nhu cầu đòi hỏi về nguồn nhân lực chất lượng cao, từ những bài học kinh nghiệm rút ra qua thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo bồi dưỡng học sinh giỏi ở khu vực và toàn quốc, cần thiết phải chú trọng đến việc bồi dưỡng, đào tạo học sinh năng khiếu ngay từ cấp học phổ thông. Một trong những giải pháp để thực hiện yêu cầu trên là phải xây dựng hệ thống trường trung học phổ thông chuyên đồng bộ, hiện đại, có chất lượng cao.

Sau gần 25 năm xây dựng và trưởng thành, Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn tỉnh Quảng Trị đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn đào tạo nhân lực chất lượng cao cho quê hương, đất nước. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học còn thiếu, chỉ mới đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho các hoạt động dạy và học; tuyển sinh hàng năm còn ít; đội ngũ giáo viên, cán bộ viên chức của trường còn có những hạn chế nhất định về chuyên môn nghiệp vụ...

Nhằm xây dựng và phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn tỉnh Quảng Trị với cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, hiện đại hóa; đội ngũ giáo viên giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, trở thành một trong những trung tâm giáo dục, đào tạo chất lượng cao trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Trước những yêu cầu mới, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo xác định mục tiêu, xác định thực trạng để xây dựng kế hoạch phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn trong thời gian tới. Đó chính là mục tiêu để xây dựng Đề án phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Đề án bao gồm ba phần:

Phần thứ nhất: Sự cần thiết xây dựng đề án;

Phần thứ hai: Thực trạng của Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn;

Phần thứ ba: Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để phát triển trường chuyên giai đoạn 2025, định hướng đến 2030.

PHẦN THỨ NHẤT
SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG TRỊ TRONG THỜI GIAN QUA

1. Đặc điểm tự nhiên

Quảng Trị là một tỉnh thuộc vùng duyên hải Bắc Trung bộ, toạ độ địa lý 16°18' đến 17°10' vĩ độ Bắc và 106°32' đến 107°24' kinh độ Đông, tổng diện tích tự nhiên là 4.746,4 km2, chiếm 1,38% diện tích cả nước. Phía Bắc giáp với tỉnh Quảng Bình, phía Nam giáp với tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Đông giáp với biển Đông và phía Tây giáp với nước bạn Lào.

Quảng Trị có lợi thế về địa lý - kinh tế, là đầu mối giao thông nằm ở trung điểm đất nước; có điều kiện thuận lợi để mở rộng hợp tác kinh tế trong khu vực, giao thương hàng hóa, vận tải quốc tế, phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch...

Quảng Trị có điều kiện giao thông khá thuận lợi cả về đường bộ, đường sắt và đường thuỷ: có các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh (nhánh Đông và nhánh Tây), tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy song song Quốc lộ 1, Quốc lộ 9 gắn với đường Xuyên Á, cảng Cửa Việt có thể phục vụ cho vận chuyển hàng hóa trong vùng và trung chuyển hàng hóa qua đường Xuyên Á.

Thời gian qua, được Nhà nước quan tâm đầu tư phát triển vì thế tiềm lực kinh tế của Quảng Trị có những bước phát triển mới: các khu công nghiệp Nam Đông Hà, Quán Ngang; khu kinh tế Đông Nam; các cụm tuyến du lịch Hiền Lương, Cửa Tùng, Khe Sanh, Lao Bảo... được đầu tư về hạ tầng đang từng bước phát huy hiệu quả; cơ sở hạ tầng giao thông, mạng lưới điện, cấp thoát nước, bưu chính viễn thông không ngừng được mở rộng; các lĩnh vực xã hội như: xóa đói giảm nghèo, y tế, giáo dục đào tạo, văn hóa thể thao được chú trọng phát triển.

Những lợi thế về vị trí địa lý - kinh tế và tiềm lực kinh tế đã đạt được đang tạo cho Quảng Trị một nền tảng cơ bản để có thể tăng cường mở rộng giao lưu, hợp tác kinh tế trong nước và tăng cường liên kết, hội nhập với các nước trong khu vực cũng như quốc tế nhằm đẩy nhanh hơn nữa phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới, tạo động lực để phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực cho xã hội.

2. Đặc điểm kinh tế

Tổng sản phẩm (GDP) năm 2016 ước đạt 16.081 tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước đạt 36 triệu đồng; sản lượng lương thực có hạt ước đạt 27,5 vạn tấn; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 2.152 tỷ đồng; tổng chi

ngân sách địa phương là 7.045,602 tỷ đồng. Tỷ lệ hộ nghèo đầu năm 2017 giảm xuống còn 13,49%.

Cơ cấu kinh tế đang có sự chuyển dịch đúng hướng. Các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh phát triển. Thương mại - dịch vụ phát triển cả về quy mô, ngành nghề, thị trường, hạ tầng kỹ thuật và hiệu quả kinh doanh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường.

3. Đặc điểm xã hội

Dân số toàn tỉnh tính đến 31/12/2016 là 626.100 người, chủ yếu có 3 cộng đồng dân tộc cùng nhau sinh sống là người Kinh, người Bru-Vân Kiều và người Pacô-Tà ôi. Có 3 tôn giáo chính là Phật giáo, Công giáo và đạo Tin lành. Quảng Trị có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, có 02 huyện miền núi, 01 huyện đảo, 01 thị xã và 01 thành phố; có 141 xã, phường, thị trấn với 47 xã, thị trấn thuộc địa bàn miền núi, trong đó có 41 xã có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; 18 xã biên giới; có 28 xã và 29 thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc và miền núi, 12 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển.

Dân tộc Kinh chiếm đa số, dân tộc Vân Kiều chiếm tỉ lệ 6,4%, dân tộc Pacô chiếm tỉ lệ 1,5%. Việc phát triển giáo dục - đào tạo trong cộng đồng người Kinh khá thuận lợi do tiếp cận tri thức mới nhanh, ham học tập, điều kiện cơ sở vật chất được tăng cường. Riêng đối với các vùng sâu, vùng xa trình độ dân trí và trình độ lao động còn thấp; nhiều người chưa qua đào tạo cơ bản.

Theo số liệu thống kê, cơ cấu dân số phân theo giới tính, nữ chiếm 50,3%, nam chiếm 49,7%; phân theo độ tuổi, từ 0-59 tuổi chiếm khoảng 90,9%, chỉ tiêu này cho thấy đây là cơ cấu dân số trẻ, riêng dân số dưới 15 tuổi chiếm 37,9%, và là lực lượng lao động dự trữ dồi dào của tỉnh.

Tuy vậy, đội ngũ lao động được đào tạo, có chuyên môn kỹ thuật của tỉnh còn hạn chế. Lao động không có chuyên môn kỹ thuật chiếm 74%. Phần lớn lao động trên địa bàn tỉnh làm việc trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp (năm 2010 chiếm tỷ lệ 55%); lao động trong các lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ có xu hướng chiếm tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu lao động xã hội. Chính vì vậy, đầu tư cho chất lượng mũi nhọn là một trong những giải pháp cơ bản để nắm bắt được thời kỳ vàng của dân số tỉnh; đồng thời góp phần phát triển chất lượng nguồn nhân lực, đội ngũ lao động có tay nghề cao, nắm vững công nghệ hiện đại cho tỉnh nhà trong tương lai.

4. Sự phát triển của ngành Giáo dục và Đào tạo

Trong những năm qua, công tác Giáo dục và Đào tạo của tỉnh nhà không ngừng lớn mạnh và phát triển: quy mô, mạng lưới trường, lớp học trong toàn tỉnh đã được tổ chức, sắp xếp lại từng bước hợp lý, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của con em nhân dân. Các giải pháp tăng cường huy động học sinh trong độ tuổi đi học được đẩy mạnh. Tính đến năm 2017, tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 94,1% (chỉ tiêu 93,0%); tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đi học ở cấp tiểu học đạt 99,8% (chỉ tiêu 99,8%); tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đi học ở cấp THCS đạt 96,0% (chỉ tiêu 96,0%).

Ngành GD&ĐT đã triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Các ngành học, cấp học trong tỉnh thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch dạy học, trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng cấp học trong chương trình giáo dục phổ thông. Tăng cường quản lý đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá. Tổ chức chỉ đạo bồi dưỡng giáo viên các môn học thực hiện dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông.

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được đẩy mạnh. Đến nay toàn tỉnh có 71/167 trường mầm non đạt chuẩn, tỷ lệ 42,51%; cấp tiểu học có 117/155 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 75,48%; cấp THCS có 52/130 trường THCS được công nhận đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 40,0% và 09/31 trường THPT đạt chuẩn, tỷ lệ 29,03%; toàn tỉnh có 249/495 trường được công nhận đạt chuẩn, tỷ lệ 50,3%. Việc duy trì và xây dựng trường chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh có tác dụng tích cực góp phần chỉnh trang cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục. Ngành GD&ĐT Quảng Trị đã phát động và triển khai sâu rộng phong trào thi đua "Đổi mới và sáng tạo trong dạy và học" giai đoạn 2016-2020 ở cơ sở với cách làm và bước đi thích hợp. Nhiều tập thể đơn vị và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành đã hưởng ứng tích cực tham gia phong trào thi đua, có nhiều sản phẩm đổi mới trong công tác quản lý, dạy học, nghiên cứu khoa học, thành lập các nhóm nhà giáo hỗ trợ cùng nhau phát triển.

Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn được duy trì ổn định và có bước phát triển mới về chất lượng. Nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi văn hóa, giải Toán qua mạng Internet, trên máy tính Casio, thi Olympic Toán tuổi thơ... cấp Quốc gia.

Nhìn chung, trên cơ sở quán triệt các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ GD&ĐT, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh, ngành GD&ĐT đã tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm. Trong đó tập trung chủ yếu về tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; xây dựng môi trường trường học an toàn, phát huy dân chủ trong nhà trường; rà soát quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục. Tăng cường công tác xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Đẩy mạnh công tác thanh tra, khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục. Mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo…

II. SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, phần quan điểm chỉ đạo đã viết: "Giáo dục và Đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội"..."Phát triển Giáo dục và Đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội".

Tại đại hội BCH TW Đảng lần thứ XII cũng xác định: "Đổi mới mục tiêu giáo dục để phù hợp với bối cảnh đất nước bước vào thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Mục tiêu phát triển giáo dục của nước ta từ trước đến nay cơ bản là đúng đắn, nhưng mỗi thời kỳ có những hoàn cảnh, yêu cầu nhiệm vụ khác nhau, nên mục tiêu Giáo dục và Đào tạo cũng phải điều chỉnh, thay đổi để đáp ứng thực tiễn cuộc sống đặt ra. Nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới, đòi hỏi tiêu chuẩn phẩm chất, năng lực con người cũng có yêu cầu mới; bên cạnh chú ý con người xã hội, con người công dân, cần hướng tới phát huy cao nhất tiềm năng của mỗi cá nhân; phát triển hài hòa con người cá nhân và con người xã hội. Từ đó, cần điều chỉnh mục tiêu giáo dục và đào tạo theo hướng vừa chú ý phát triển hài hòa con người xã hội, con người công dân vừa hướng tới phát huy cao nhất tiềm năng của mỗi học sinh; chú trọng giáo dục cả phẩm chất và năng lực của người học; bao gồm các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung và các phẩm chất, năng lực riêng của từng học sinh, năng lực đặc thù môn học...".

Với quan điểm chỉ đạo và định hướng chiến lược cụ thể, thời gian qua Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các cấp Bộ - Ngành và Nhân dân luôn quan tâm, đầu tư, phát triển hệ thống giáo dục đào tạo nói chung cũng như hệ thống các trường THPT chuyên trong cả nước nói riêng trong đó có trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, Quảng Trị.

Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đóng vai trò chủ lực trong việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, học sinh giỏi; cơ sở tạo nguồn đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao cho Quảng Trị nói riêng và cả nước nói chung. Trường đã tạo được đội ngũ học sinh có kiến thức, năng lực chuyên môn, giỏi một số lĩnh vực; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, phẩm chất đạo đức tốt; lòng yêu lao động và có tinh thần trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình và xã hội. Là mô hình giáo dục được đầu tư trọng điểm thực hiện đồng thời triết lý giáo dục tinh hoa và đại chúng, đảm bảo giáo dục toàn diện, tạo môi trường giáo dục tích cực, thân thiện được học sinh, phụ huynh và xã hội tin tưởng, ủng hộ.

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tích được các cấp bộ ngành và nhân dân ghi nhận. Tuy nhiên trong xu hướng chung về sự phát triển và hội nhập, trường THPT chuyên Lê Quý Đôn vẫn còn những hạn chế nhất định: Chương trình, sách giáo khoa, tài liệu cho môn chuyên còn thiếu và không cập nhật kịp thời; chủ yếu trông chờ vào sự quan tâm trách nhiệm của giáo viên giảng dạy. Việc

khai thác nguồn tài liệu thông qua mạng Internet của giáo viên và học sinh vẫn còn nhiều hạn chế nhất định do trình độ ngoại ngữ của các giáo viên chưa đồng bộ. Trình độ năng lực của một số giáo viên chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của trường chuyên nói chung và nhu cầu bộ môn nói riêng. Chế độ chính sách chưa đủ thuyết phục với sự cống hiến của thầy, cô giáo và kích thích sự tìm tòi sáng tạo trong học sinh. Công tác tuyển sinh hiện nay chưa khoa học, vẫn bỏ sót một số học sinh năng khiếu do chương trình phát hiện, tuyển chọn từ lớp dưới chưa có, chỉ dựa trên một số bài kiểm tra lý thuyết. Diện tích khuôn viên, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị dạy học vẫn còn thiếu; kinh phí còn hạn hẹp, chưa phù hợp với yêu cầu cao của giáo dục toàn diện và nhiệm vụ bồi dưỡng, phát triển tài năng...

Trên những cơ sở và đánh giá chung đó việc xây dựng "Đề án phát triển trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" là hết sức cần thiết, mang tính cấp bách và thực tiễn.

III. NHỮNG CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của BCH TW Đảng khoá X về việc xây dựng đội ngũ tri thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

- Thông báo số 242-TB/TW ngày 15/4/2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X về "Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009; Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 24/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020;

- Kế hoạch số 659/KH-BGDĐT ngày 26/10/2010 của Bộ GD&ĐT về kế hoạch triển khai thực hiện đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 82/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/12/2008 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

- Chương trình hành động số 95-CTHĐ/TU, ngày 23/7/2014 của Tỉnh ủy Quảng Trị thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";

- Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 29/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về chế độ, chính sách cho đội ngũ giáo viên và học sinh trường THPT chuyên Lê Quý Đôn;

- Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về quy định nội dung chi, mức chi trong việc tổ chức các kỳ thi và bồi dưỡng học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Kết luận số 49-KL/TU ngày 06/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị về một số nhiệm vụ trọng tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trong năm 2017, trong đó nhấn mạnh việc nâng cao chất lượng giáo dục cả đại trà và mũi nhọn, chất lượng đào tạo mũi nhọn của trường chuyên;

- Thông tư liên tịch 66/2012/TTLT-BTC-BGĐT ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện việc xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực.

PHẦN THỨ HAI

THỰC TRẠNG CỦA TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

I. THỰC TRẠNG CỦA TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

1. Đội ngũ

1.1. Ban Giám hiệu: 4 người (1 Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng)

TT	Chức danh	Số lượng	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị	
				Thạc sĩ	Đại học	Cao cấp	Trung cấp
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	1	0
2	Phó Hiệu trưởng	3	1	3	0	0	3

1.2. Giáo viên – Nhân viên: 90 người (kể cả hợp đồng), trong đó:

TT	Giáo viên-Nhân viên	Số lượng	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Thừa	Thiếu	Thạc sĩ	NC sinh Tiến sĩ
1	Toán	11	4	11	0	0	0	5	0
2	Tin học	5	1	5	0	0	0	3	0
3	Vật lý	8	2	8	0	0	1	4	0
4	Hóa học	7	4	7	0	0	0	4	1
5	Sinh học	5	4	5	0	0	0	4	0
6	Ngữ văn	9	9	9	0	0	1	6	1
7	Lịch sử	4	2	4	0	0	0	2	0
8	Địa lý	4	2	4	0	0	0	0	0
9	Ngoại ngữ	8	8	8	0	0	1	3	0
10	TD-GDQP	5	0	5	0	0	0	0	0
11	GDCD-KT	4	4	4	0	0	0	1	0
12	Nhân viên	10	9	10	6	0	2	1	0
Tổng		**80**	**49**	**80**	**6**	**0**	**5**	**33**	**2**

Tổng chỉ tiêu hiện có tại trường THPT chuyên Lê Quý Đôn năm 2018 là 88 người (theo Thông báo số 70/TB-SNV ngày 09/02/2018 của Sở Nội vụ), trong đó:

Nhân viên 10 người: Thư viện, thiết bị 4 người; Hành chính 4 người; Giáo vụ 2 người;

Giáo viên 70 người, bình quân đạt tỉ lệ 2,8 giáo viên/lớp. Theo quy định tại Thông tư số 16/2017 TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo các trường THPT chuyên được bố trí là 3,1 giáo viên/lớp. So với quy định trường THPT chuyên Lê Quý Đôn hiện thiếu tất cả là 7,5 giáo viên, nhân viên: 1 giáo viên Vật lí, 1 giáo viên Ngữ văn, 1 giáo viên Tiếng Anh, 1 nhân viên phụ trách thiết bị Vật lí, 1 nhân viên phụ trách thư viện.

100% giáo viên nhà trường đều đạt chuẩn, trong đó trình độ trên chuẩn là 39 giáo viên, đạt tỉ lệ 54,1%. Phần lớn giáo viên được tuyển chọn về trường là những giáo viên giỏi, có bằng thạc sĩ hoặc là những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi từ các trường Đại học sư phạm; những học sinh đã từng đạt giải học sinh giỏi cấp Quốc gia. Hiện nay trong biên chế giáo viên của nhà trường có 2 giáo viên đang Nghiên cứu sinh; 1 giáo viên đang theo học Cao học; 3 giáo viên được công nhận là Giám khảo quốc tế chấm thi nói môn Tiếng Anh.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ giáo viên chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng học sinh giỏi Quốc gia, Quốc tế còn thiếu. Giáo viên có nhiều kinh nghiệm để đảm nhận được chương trình bồi dưỡng chuyên sâu chỉ chiếm khoảng 30%. Một số giáo viên còn hạn chế về năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Số giáo viên, cán bộ quản lí có khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nước ngoài còn nhiều hạn chế...

2. Số lượng học sinh và cơ cấu lớp học

- Năm học 2018-2019 trường có 25 lớp với 09 môn chuyên: Toán, Tin, Lý, Hóa, Sinh, Văn, Sử + Địa và Tiếng Anh (trong đó có 2 lớp ghép Sử + Địa ở khối 10 & 11).

- Tổng số học sinh toàn trường năm học 2018-2019 là 703, trong đó:

+ Khối 12: 9 lớp, 220 em

+ Khối 11: 8 lớp, 239 em

+ Khối 10: 8 lớp, 244 em

Số liệu cụ thể của các năm gần đây như sau:

TT	Năm học	Tổng số lớp	Số môn chuyên	Tổng số học sinh	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số học sinh dự thi	Số học sinh nhập học
1	2011-2012	21	7	630	230	1106*	230

TT	Năm học	Tổng số lớp	Số môn chuyên	Tổng số học sinh	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số học sinh dự thi	Số học sinh nhập học
2	2012-2013	21	7	663	245	598	245
3	2013-2014	21	7	671	245	605	245
4	2014-2015	23	9	729	270	520	270
5	2015-2016	24	9	706	270	439	240
6	2016-2017	26	9	714	270	385	244
7	2017-2018	25	9	689	240	412	241
8	2018-2019	25	9	703	240	521	244

** Tính trên lượt dự thi vì năm học 2011-2012, thí sinh có thể đăng ký hai môn dự thi không trùng lịch thi.*

3. Cơ sở vật chất – kĩ thuật

Tổng diện tích mặt bằng: 19.532 m^2, bình quân 27,9 m^2/học sinh, chia làm 4 khu và 1 sân tập Thể dục Thể thao:

- Khu A: Nhà Hiệu bộ với quy mô 3 tầng bao gồm các phòng Ban Giám hiệu, hành chính, phòng họp, phòng chờ giáo viên, phòng thực hành Tin học, phòng Công đoàn;

- Khu B: Nhà học với quy mô 3 tầng gồm các phòng học và các phòng tổ bộ môn, văn phòng Đoàn thanh niên;

- Khu C: Nhà học với quy mô 3 tầng gồm các phòng học và phòng truyền thống;

- Khu D: Nhà học với quy mô 4 tầng gồm 01 phòng Phó Hiệu trưởng, các phòng học, thư viện, các phòng thực hành thí nghiệm, thực hành Tin học và các phòng bộ môn;

- Sân Thể dục Thể thao: Với tổng diện tích là 9199m^2

Tổng các phòng chức năng và cơ sở vật chất hiện có như sau:

TT	Phòng/Thiết bị	Số lượng	Khả năng vận hành
1	Phòng học	28	Gần 20 phòng học thuộc khu nhà B & C đã xuống cấp (sụt lún nền gạch; bong tróc tường; trần nhà bị thấm...)

TT	Phòng/Thiết bị	Số lượng	Khả năng vận hành
2	Phòng học bộ môn	02	Đã được cải tạo nhưng chưa được trang bị các thiết bị tối thiểu đảm bảo cho sinh hoạt
3	Phòng thực hành Tin	02	Nhiều máy tính đã bị lỗi, hỏng hết công năng sử dụng
4	Phòng thí nghiệm	03	Thiếu nhiều trang thiết bị dạy học nhất là những trang thiết bị phục vụ cho công tác tập huấn HSG Quốc gia (kính hiển vi, dụng cụ thực hành thí nghiệm dự phòng...)
5	Kho	04	Bình thường
6	Thư viện	01	Bình thường
7	Phòng truyền thống	01	Bình thường
8	Nhà đa năng	01	Thiết kế chưa phù hợp với công năng sử dụng (dội âm, cửa kính trên cao gây nguy hiểm, kiểu thiết kế chưa phù hợp với thời tiết khí hậu ở Quảng Trị...)
9	Hội trường	01	Bình thường
10	Phòng Hội đồng	01	Bình thường
11	Phòng họp	01	Bình thường
12	Phòng Công đoàn	01	Bình thường
13	Phòng Đoàn TN	01	Bình thường
14	Phòng tổ chuyên môn	06	Một số phòng ghép 2 bộ môn. Chưa có các trang thiết bị bên trong.
15	Phòng làm việc	08	Bình thường
16	Máy tính	67	Nhiều máy đã hỏng, hết công năng sử dụng
17	Máy chiếu	01	Bình thường
18	Máy cassettes	06	02 máy đã hỏng

TT	Phòng/Thiết bị	Số lượng	Khả năng vận hành
19	Tai nghe	06	02 cái đã hỏng
20	Nhà để xe học sinh	01	Đã xuống cấp
21	Nhà để xe giáo viên	02	Bình thường
22	Phòng bảo vệ	01	Bình thường

Cơ sở vật chất nhìn chung chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu dạy học và bồi dưỡng học sinh giỏi: trang thiết bị còn thiếu, chưa có các thiết bị đáp ứng yêu cầu thực hành cho học sinh thi học sinh giỏi Tỉnh và Quốc gia (kính hiển vi bị hỏng, thiết bị chưa đồng bộ...); phòng chức năng thiếu các trang thiết bị cơ bản...

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHỮNG NĂM QUA

1. Chất lượng giáo dục hai mặt

Năm học	Số lượng	Học lực			Hạnh kiểm		
		Giỏi	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
2011-2012	628	199 (32%)	418 (67%)	20 (3%)	551 (88%)	77 (12%)	0
2012-2013	663	198 (30%)	444 (67%)	13 (2%)	616 (93%)	46 (5.9%)	1 (0.1%)
2013-2014	667	234 (35%)	426 (64%)	7 (1%)	639 (96%)	28 (4.0%)	0
2014-2015	716	363 (51%)	337 (47%)	7 (1%)	673 (94%)	42 (5.9%)	1 (0.1%)
2015-2016	698	347 (50%)	345 (49%)	6 (1%)	681 (98%)	16 (1.9%)	1 (0.1%)
2016-2017	707	349 (49%)	353 (50%)	5 (1%)	680 (96%)	26 (3.9%)	1 (0.1%)
2017-2018	684	392 (57%)	292 (43%)	0 (0%)	673 (98%)	11 (2.0%)	0 (0%)

2. Tỉ lệ đỗ tốt nghiệp và đại học

Năm học	Tốt nghiệp THPT	**Đại học** (Nguyện vọng 1)
2011-2012	100%	96%
2012-2013	100%	95%
2013-2014	100%	98%
2014-2015	100%	97%
2015-2016	100%	98%
2016-2017	100%	100%
2017-2018	100%	100%

3. Học sinh đạt giải cấp Tỉnh

Năm	Số lượng	Trong đó			
		Nhất	Nhì	Ba	KK
2012	160/180	10	42	47	61
2013	47/54	10	12	18	7
2014	50/54	12	20	10	8
2015	51/54	9	18	12	12
2016	56/60	8	28	12	8
2017	56/60	9	23	14	10
2018	143/203	11	40	48	44
Tổng	**563**	**69**	**183**	**161**	**150**

4. Học sinh đạt giải cấp Quốc gia

Năm	Số lượng giải	Trong đó			
		Nhất	Nhì	Ba	KK
2012	13	0	0	6	7
2013	15	0	1	5	9

Năm	Số lượng giải	Trong đó			
		Nhất	Nhì	Ba	KK
2014	17	1	0	7	9
2015	22	0	6	9	7
2016	14	0	1	2	11
2017	14	0	2	6	6
2018	16	1	6	3	6
Tổng	**111**	**2**	**16**	**38**	**55**

Số lượng giải theo từng môn cụ thể:

Năm	Số lượng	Môn								
		Toán	Tin	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Sử	Địa
2012	13	1 Ba 1 KK	1 Ba 2 KK	1 Ba	1 Ba	1 KK	1 Ba 1 KK	1 KK	0	1 Ba 1 KK
2013	15	2 Ba 3 KK	1 KK	1 Ba	1 KK	0	1 Nhì 2 Ba 1 KK	0	1 KK	2 KK
2014	17	1 Nhất 1 Ba 1 KK	1 Ba 1 KK	1 Ba 1 KK	1 KK	1 KK	1 Ba	2 Ba 1 KK	2 KK	1 Ba 1 KK
2015	22	2 Ba	1 Nhì 2 KK	0	2 Nhì 3 Ba	0	2 Nhì 1 Ba 2 KK	1 Ba	1 Nhì 2 Ba 2 KK	1 KK
2016	14	1 KK	0	2 KK	1 Nhì 2 KK	1 Ba	2 KK	1 Ba 2 KK	0	2 KK

Năm	Số lượng	Môn								
		Toán	**Tin**	**Lý**	**Hóa**	**Sinh**	**Văn**	**Anh**	**Sử**	**Địa**
2017	14	1 Ba	2 Ba 1 KK	0	2 Nhì	0	1 Ba 2 KK	2 Ba 1 KK	1 KK	1 KK
2018	16	1 Nhất 2 KK	2 Nhì 1 Ba 2 KK	0	2 Nhì	1 KK	2 Ba	1 Nhì	0	1 Nhì 1 KK
Tổng	**111**	**17**	**17**	**6**	**15**	**4**	**19**	**12**	**9**	**12**
		2 Nhất	0	0	0	0	0	0	0	0
		0	3 Nhì	0	7 Nhì	0	3 Nhì	1 Nhì	1 Nhì	1 Nhì
		7 Ba	5 Ba	3 Ba	4 Ba	1 Ba	8 Ba	6 Ba	2 Ba	2 Ba
		8 KK	9 KK	3 KK	4 KK	3 KK	8 KK	5 KK	6 KK	9 KK

Nổi bật trong các kết quả trên là 02 giải Nhất môn Toán trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Quốc gia (2014, 2018); 1 học sinh tham gia đội tuyển dự thi Olympic Châu Á Thái Bình Dương môn Tin học (2014-2015) và 1 học sinh đạt Huy chương Bạc cuộc thi Tìm kiếm tài năng Toán học trẻ quốc tế tại Singapore (năm học 2016-2017).

5. Thành tích về các hoạt động khác

Kết quả các kỳ thi như Sáng tạo Khoa học kỹ thuật, Sáng tạo trẻ, Giải toán trên máy tính Casio, Tiếng Anh trên Internet, Toán trên Internet, Vật lý trên Internet, Hùng biện Tiếng Anh cấp Tỉnh, cấp Quốc gia... trường luôn đạt được thành tích cao. Năm học 2011-2012, nhà trường có đề tài tham gia cuộc thi Sáng tạo Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia và đạt giải Nhất lĩnh vực, giải Ba chung cuộc. Tại cuộc thi Sáng tạo Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh năm học 2017-2018, nhà trường đã có 01 đề tài đạt giải Nhất chung cuộc và được chọn tham dự cuộc thi cấp Quốc gia. Tại cuộc thi Sáng tạo trẻ hàng năm do Tỉnh Đoàn và Thành Đoàn tổ chức, học sinh nhà trường đều đạt giải cao. Năm học 2015-2016, có 01 đề tài giành giải Ba cấp Quốc gia cuộc thi video clip "Tự hào Việt nam".

Nhà trường khuyến khích việc giảng dạy các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh bằng Tiếng Anh, bước đầu tạo nên sự hứng thú trong học tập và nghiên cứu của học sinh.

Bên cạnh đó, nhà trường còn tạo nhiều sân chơi lành mạnh, bổ ích nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh như sân khấu hóa các nội dung tuyên truyền, tham gia các câu lạc bộ, tham quan thực tế, tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, hội chợ văn hóa dân gian, sáng tạo trẻ....

Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn cũng đã làm tốt việc tăng cường các mối quan hệ trong và ngoài nước, với các tổ chức phi chính phủ để hỗ trợ cho công tác dạy và học, trao đổi chuyên môn của giáo viên và học sinh: liên kết với tổ chức GCSF để mời giáo viên nước ngoài hỗ trợ kỹ năng nghe nói cho học sinh học Tiếng Anh; thường xuyên tổ chức giao lưu học hỏi kinh nghiệm chuyên môn từ các trường chuyên tỉnh bạn ở Quảng Bình, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế...

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm nổi bật

Trường chuyên Lê Quý Đôn là trường THPT được đầu tư lớn vào việc xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học nhằm phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu của giáo viên và học sinh. Một bộ phận không nhỏ giáo viên của nhà trường là đội ngũ cốt cán, chất lượng cao của giáo dục Tỉnh nhà. Họ là những người tiên phong trong đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng chủ động, tích cực. Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn còn là nơi phát triển mối quan hệ với rất nhiều các tổ chức đối tác giáo dục khác trong và ngoài nước, tạo cơ hội cho học sinh mở rộng giao lưu, học tập lẫn nhau.

Trường đã được ghi nhận về những thành thích học tập tích cực và sự đổi mới thường xuyên trong cách giáo dục. Nhiều giáo viên và học sinh của nhà trường đã giành được các giải thưởng như: giải thưởng Lê Văn Thiêm, giải thưởng Bùi Dục Tài...

2. Một số tồn tại hạn chế

2.1 Tồn tại hạn chế:

- Một số giáo viên đang thiếu các kỹ năng tự nghiên cứu phát triển chương trình và tài liệu bồi dưỡng chuyên sâu mang tính đặc thù; kỹ năng dạy học thực hành, kỹ năng tiếng anh vẫn còn có một số hạn chế nhất định;

- Xu hướng của học sinh hiện nay là tập trung vào học những môn để xét tuyển vào các trường đại học nên đã ảnh hưởng đến nhiều chất lượng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ở các môn chuyên. Ít nhiều có ảnh hưởng đến kết quả giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn của nhà trường;

- Cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị dạy học của trường còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của giáo viên và học sinh. Hiện tại nhà trường còn thiếu các thiết bị phòng thí nghiệm

phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và các thiết bị đi kèm; khu sinh hoạt của học sinh nội trú còn nhiều thiếu thốn;

- Công tác đổi mới phương pháp dạy học còn gặp không ít những trở ngại khó khăn; công tác kiểm tra, đánh giá vẫn theo xu hướng phục vụ thi cử - còn nghiêng nhiều về tái hiện kiến thức chưa thực sự kích thích tối đa khả năng sáng tạo của người học;

- Kinh phí và chế độ cho bồi dưỡng học sinh giỏi dự thi quốc gia, khu vực, quốc tế, hoạt động nghiên cứu khoa học theo đặc thù trường THPT chuyên đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Quyết định số 2804/QĐ-UBND của UBND tỉnh về quy định nội dung chi, mức chi trong việc tổ chức các kỳ thi và bồi dưỡng học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 1349/QĐ-UBND về chế độ, chính sách cho đội ngũ giáo viên và học sinh trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đã không đề cập đến việc trao thưởng cho học sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; không đề cập đến việc hỗ trợ cho nhân viên nhà trường với tính chất công việc đặc thù; không đề cập đến các khoản kinh phí hỗ trợ học sinh và giáo viên tham gia các Trại hè, các lớp bồi dưỡng chuyên môn trong và ngoài nước...;

- Chất lượng đầu vào các lớp chuyên trong một số năm trở lại đây chưa được như kì vọng bởi nhiều lí do khách quan lẫn chủ quan nên không thể thu hút được những học sinh xuất sắc đến từ các vùng như thị xã Quảng Trị, Hải Lăng, Triệu Phong...

2.2. Những nguyên nhân chính

2.2.1. Nguyên nhân chủ quan

- Một số giáo viên chưa thực sự tích cực đổi mới các phương pháp dạy học tiên tiến; chưa tự giác nghiên cứu, nâng cao năng lực chuyên môn để đáp ứng với yêu cầu giảng dạy tại trường chuyên;

- Hoạt động quảng bá hình ảnh và chất lượng giáo dục của nhà trường trong giai đoạn trước đây chưa thực sự được chú trọng nên thương hiệu của nhà trường vẫn còn hết sức khiêm tốn so với những trường chuyên khác;

- Mặc dù đã có nhiều nỗ lực cố gắng trong công tác chỉ đạo và xây dựng. Tuy nhiên đến nay hầu hết các tổ chuyên môn vẫn chưa hoàn thiện được khung chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi mang đặc trưng trường THPT chuyên;

- Một bộ phận học sinh còn chưa chú trọng đến công tác học tập cùng với đó một số phụ huynh còn thiếu sự quan tâm đến việc đầu tư, khuyến khích con em học tập môn chuyên;

- Theo thời gian sử dụng, chất lượng khu vực kí túc xá của nhà trường đã có sự xuống cấp khiến cho việc sinh hoạt và học tập của các em gặp không ít những trở ngại và khó khăn.

2.2.2. Nguyên nhân khách quan

- Chính sách đãi ngộ khuyến khích dành cho giáo viên, cán bộ quản lý trường chuyên hiện tại đã bắt đầu bộc lộ những hạn chế, bất cập;

- Hệ thống các trang thiết bị trong các phòng học bộ môn, phòng chức năng còn thiếu; tài liệu và các phương tiện thiết bị dạy học hiện đại vẫn chưa đầy đủ nên năng lực thực hành, nghiên cứu khoa học của giáo viên và học sinh chưa đáp ứng được nhu cầu dạy và học theo hướng đổi mới;

- Chất lượng tuyển sinh của nhiều trường Đại học sư phạm những năm gần đây có dấu hiệu giảm sút ít nhiều ảnh hưởng nhiều đến công tác tuyển chọn giáo viên dạy chuyên;

- Vấn đề hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các trường chuyên, các trường đại học về công tác quản lý, hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng học sinh giỏi tuy đã được chú trọng nhưng còn hạn chế, đặc biệt là trao đổi thông tin, hợp tác với các cơ sở giáo dục nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn;

- Chế độ học bổng khuyến khích học sinh giỏi toàn diện và học sinh đạt giải cấp Quốc gia còn thấp;

- Việc thay đổi quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học dẫn đến nhiều em học sinh chú trọng học toàn diện, chứ không tập trung vào môn chuyên và thực sự tâm huyết với các kỳ thi học sinh giỏi các cấp.

PHẦN THỨ BA

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG CHUYÊN GIAI ĐOẠN 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030

I. MỤC TIÊU CHUNG

Tiếp tục xây dựng và phát triển trường trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn trở thành một cơ sở giáo dục trung học có chất lượng giáo dục cao, đạt chuẩn quốc gia. Trang thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phát hiện những học sinh có tư chất thông minh, đạt kết quả xuất sắc trong học tập. Bồi dưỡng thành những người có lòng yêu đất nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc; có ý thức tự lực; có nền tảng kiến thức vững vàng; có phương pháp tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo; có sức khỏe tốt để tạo nguồn tiếp tục đào tạo thành nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế;

Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn sẽ là hình mẫu của các trường trung học phổ thông về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, về công tác quản lý chỉ đạo và tổ chức các hoạt động giáo dục; trở thành trung tâm bồi dưỡng giáo viên, trung tâm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của tỉnh Quảng Trị;

Là trường trọng điểm của tỉnh thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục; là cơ sở giáo dục chất lượng cao để cung cấp nguồn tuyển sinh cho các trường Đại học trong nước và nước ngoài.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Quy mô lớp, học sinh

Củng cố, xây dựng và phát triển trường THPT chuyên hiện tại đồng thời tăng dần quy mô, đảm bảo hàng năm tuyển sinh đủ 9 khối chuyên: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Tin học, Lịch sử, Địa lí. Dự kiến từ năm học 2019-2020 trở đi, mỗi năm cho phép trường tuyển sinh thêm 2 lớp không chuyên gọi tắt là lớp không chuyên Khoa học tự nhiên và lớp không chuyên Khoa học xã hội. Đây là các lớp dành cho những học sinh có điểm tiệm cận nhưng không trúng tuyển đầu vào các môn Toán, Lí, Hóa (chuyên KHTN); Văn, Tiếng Anh (chuyên KHXH). Từ năm học 2021-2022, quy mô toàn trường sẽ là 33 lớp x 30 em/lớp = 990 học sinh.

2. Cơ sở vật chất – kĩ thuật cần đầu tư

Tập trung xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường phương tiện, thiết bị dạy học đồng bộ đồng thời tăng dần quy mô, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho việc dạy và học của tất cả các khối chuyên Toán, Lý, Hóa, Sinh, Văn, Tiếng Anh, Tin, Sử , Địa.

Phấn đấu đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 củng cố, xây dựng và phát triển trường THPT chuyên Lê Quý Đôn hiện tại thành trường THPT chuyên

chất lượng cao ngang tầm với các trường trung học phổ thông chuyên trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

3. Phát triển đội ngũ và cán bộ quản lí

Tập trung nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, chất lượng của giáo viên. Phấn đấu đến năm 2025, cán bộ quản lý của trường phải đảm bảo yêu cầu của chuẩn hiệu trưởng, giáo viên phải đạt chuẩn giáo viên chất lượng cao: giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng thành thạo Tin học, Ngoại ngữ; có năng lực truyền đạt, phương pháp dạy cách học, cách tự học, khả năng tổ chức hướng dẫn học sinh làm quen với nghiên cứu khoa học; ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện của trường và tâm sinh lý học sinh.

Đến năm 2025, trên 50% giáo viên của nhà trường đạt trình độ Thạc sĩ, 10-15% giáo viên đạt trình độ Tiến sĩ, 100% giáo viên giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, sử dụng thành thạo Tin học và thiết bị dạy học hiện đại; 50% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng được ngoại ngữ trong giảng dạy và giao tiếp. Về cơ bản xây dựng đội ngũ giáo viên chất lượng cao của tất cả các môn học, đặc biệt là các môn chuyên.

Đến năm 2030, 20% cán bộ quản lý, giáo viên đạt trình độ Tiến sĩ, 70% giáo viên có trình độ Thạc sĩ và trên 70% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng được ngoại ngữ trong giảng dạy và giao tiếp.

4. Chất lượng giáo dục và đào tạo

Tạo sự chuyển biến về chất lượng giáo dục theo hướng tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Đảm bảo học sinh trường chuyên được giáo dục toàn diện, giỏi Tin học và Ngoại ngữ, chuyên sâu một môn học hoặc một lĩnh vực; có đạo đức, tri thức, sức khỏe và thẩm mỹ; trung thành với lý tưởng dân tộc và chủ nghĩa xã hội, khát khao đóng góp tài năng cho đất nước và cộng đồng; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất, năng lực công dân; phục vụ thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và đất nước.

Đến năm 2025, có ít nhất 70% học sinh nhà trường xếp loại học lực Giỏi; trên 50% (số học sinh dự thi) đạt giải trong kỳ thi chọn HSG cấp Quốc gia; có học sinh dự thi Olympic Khu vực, Quốc tế; 70% học sinh Giỏi, Khá về Tin học; 30% học sinh đạt Bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ do Bộ GD&ĐT ban hành.

Đến năm 2030, có ít nhất 80% học sinh được xếp loại lực học Giỏi; trên 70% (số học sinh dự thi) đạt giải trong kỳ thi chọn HSG cấp Quốc gia; có học sinh dự thi Olympic Khu vực, Quốc tế; 90% học sinh Giỏi, Khá về Tin học; 50% học sinh đạt Bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ do Bộ GD&ĐT ban hành.

5. Nâng cao chất lượng hợp tác, đối ngoại

Tạo mối liên thông giữa việc phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu ở trường trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn với công tác đào tạo bậc đại học. Hàng năm trường chủ động lựa chọn, giới thiệu những học sinh nổi bật vào các lớp đào tạo cử nhân tài năng hướng đến cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho quê hương, đất nước.

Tăng cường năng lực hợp tác, hội nhập giữa trường THPT chuyên Lê Quý Đôn với các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước nhằm trao đổi kinh nghiệm về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển tài năng trẻ. Đến năm 2025, trường hợp tác được với ít nhất từ 2 đến 5 cơ sở giáo dục có uy tín trong khu vực, quốc tế.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẦN TẬP TRUNG

1. Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, giáo dục hai mặt

- Có chính sách đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút học sinh giỏi từ các vùng lân cận (trong và ngoài tỉnh) đến học tập tại trường chuyên. Xem xét miễn học phí và các khoản thu nộp khác cho học sinh trường THPT chuyên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện. Động viên kịp thời (thưởng nóng) cho những học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập cũng như hỗ trợ kinh phí đối với những học sinh ôn tập, dự tuyển chọn học sinh tham dự kỳ thi khu vực và quốc tế. Có chính sách hỗ trợ học tập và cơ chế tuyển dụng đặc thù đối với những học sinh của nhà trường (từng đạt giải cấp Quốc gia) khi lựa chọn vào các trường Đại học Sư phạm.

- Sở GD&ĐT cùng lãnh đạo trường chuyên tập trung chỉ đạo các tổ bộ môn xây dựng hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi theo khung định hướng chuyên đề của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khuyến khích giáo viên của trường sưu tầm, lựa chọn một số chương trình, tài liệu dạy học tiên tiến của nước ngoài để tham khảo, vận dụng trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Tăng cường việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá đúng năng lực phát triển của học sinh. Giao trường chuyên chủ động trong việc tổ chức các Hội thảo chuyên môn, các Diễn đàn trao đổi kinh nghiệm giảng dạy giữa các trường chuyên trong khu vực miền Trung cũng như cả nước.

- Nâng cao năng lực Ngoại ngữ và Tin học cho học sinh và giáo viên trường chuyên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, tiếp cận với những tài liệu chuyên sâu trong và ngoài nước, hướng đến sau 2025 sẽ tổ chức dạy học song ngữ đối với các môn khoa học tự nhiên.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giao lưu, Văn hóa Văn nghệ, Thể dục Thể thao, các hoạt động trải nghiệm, định hướng nghề nghiệp nhằm đảm bảo tính giáo dục toàn diện.

2. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý

- Căn cứ chỉ tiêu số lượng người làm việc ngành giáo dục và đào tạo được giao hàng năm, xem xét bố trí đủ số người làm việc cho trường THPT chuyên Lê Quý Đôn theo định mức quy định. Tiến hành rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhằm có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng đảm bảo đủ số lượng, cân đối về cơ cấu và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

- Phối hợp với các trường đại học chất lượng cao để bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho giáo viên chuyên theo hướng chuẩn Quốc tế. Tạo điều kiện

thuận lợi cho cán bộ, giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ; bồi dưỡng theo các chuyên đề chuyên môn ở các trường đại học trong nước và quốc tế. Mỗi năm cử từ 2-3 giáo viên đi đào tạo Thạc sĩ; cử từ 1-2 giáo viên đào tạo Tiến sĩ; giai đoạn 2025-2030 mỗi năm cử từ 3-4 giáo viên đi đào tạo Thạc sĩ; cử 2-3 giáo viên đi đào tạo Tiến sĩ.

- Nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học, Ngoại ngữ đối với giáo viên thuộc biên chế trường chuyên. Hàng năm cử ít nhất 1-2 giáo viên (ưu tiên các môn tự nhiên) có khả năng sử dụng thành thạo Tiếng Anh đi thực tập ở nước ngoài để thực hiện việc dạy các môn Toán, Hoá học học bằng Tiếng Anh ở một số lớp chuyên vào năm 2020 và các môn Vật lý, Sinh học vào năm 2025. Từ năm 2025 trở đi tất cả các lớp chuyên Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học song ngữ (bằng Tiếng Anh). Học sinh và giáo viên sử dụng thành thạo ngoại ngữ để giao tiếp, dịch tài liệu giảng dạy và học tập. Tạo điều kiện cho giáo viên trường chuyên được giao lưu, học tập ở nước ngoài bằng chính sách ưu đãi của tỉnh và các nguồn lực khác.

- Phát triển hình thức dạy, học qua mạng Internet; từng bước bắt kịp sự phát triển về khoa học công nghệ hiện đại ngang tầm các trường chuyên trong nước. Xây dựng các diễn đàn trên Internet để giáo viên và học sinh trao đổi kinh nghiệm giảng dạy và học tập.

3. Xây dựng kế hoạch phát triển, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tập trung xây dựng cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá đạt tiêu chuẩn của một trường THPT chuyên trọng điểm chất lượng cao, đủ điều kiện phục vụ cho các hoạt động giáo dục toàn diện, công tác học tập, nghiên cứu khoa học của giáo viên và học sinh.

- Bổ sung và hoàn thiện các trang bị thiết bị của phòng bộ môn Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học, Ngoại ngữ... đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đào tạo bồi dưỡng học sinh giỏi Quốc gia. Các phòng học sẽ được trang bị đầy đủ các trang thiết thiết bị về nghe nhìn hiện đại.

- Xây dựng mở rộng và cải tạo nâng cấp khu kí túc xá học sinh cùng với đó lồng ghép một số phòng công vụ (dành cho giáo viên thỉnh giảng) đáp ứng nhu cầu ăn ở sinh hoạt cho giáo viên và học sinh.

4. Đổi mới chương trình, tài liệu dạy học và tuyển sinh

4.1. Đổi mới chương trình, tài liệu dạy học

- Thực hiện chương trình giáo dục theo hướng hiện đại, tiếp cận với trình độ tiên tiến khu vực và thế giới. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục thể chất và bồi dưỡng nhân cách học sinh. Tạo điều kiện để học sinh phát triển toàn diện, chuyên sâu một lĩnh vực, giỏi Tin học và Ngoại ngữ. Phát triển năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, kỹ năng thực hành, tăng khả năng hoạt động thực tiễn...

- Tạo sự liên thông về chương trình giữa các cấp học trong nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hoá. Sưu tầm lựa chọn một số chương trình, tài liệu dạy học tiên tiến của nước ngoài để tham khảo, vận dụng.

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu, giao chuyên đề. Thường xuyên tổ chức và hướng dẫn học sinh làm quen với nghiên cứu khoa học, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào dạy học.

- Sở Giáo dục và Đào tạo tập trung chỉ đạo đổi mới trong kiểm tra đánh giá: tổ chức cho học sinh làm quen và dần hình thành kỹ năng tự học, thi theo hướng trắc nghiệm khách quan và tự luận; kỹ năng làm bài đối với đề thi mở; kỹ năng viết đề tài, thu hoạch; kỹ năng nghiên cứu khoa học. Tiếp tục xây dựng ngân hàng đề nhằm giúp định hướng ôn thi Trung học phổ thông Quốc gia, thi học sinh giỏi các cấp.

- Tăng cường bồi dưỡng nâng cao giáo viên, học sinh các kỹ năng thực hành ở các môn Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học gắn với thực tiễn và sự phát triển của Khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu thi học sinh giỏi Quốc gia và Quốc tế.

4.2. Đổi mới phương thức tuyển sinh

- Giao trường THPT chuyên chủ động xây dựng cơ chế phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố để phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về môn chuyên, tạo nguồn tuyển sinh chất lượng cao.

- Nghiên cứu phương thức tuyển sinh theo hướng kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển, phỏng vấn nhằm tuyển chọn được những học sinh vừa khá giỏi toàn diện vừa có năng khiếu về một lĩnh vực chuyên sâu. Từng bước áp dụng phương pháp phát hiện năng khiếu, xác định chỉ số thông minh IQ, EQ...

- Thực hiện quy định về sàng lọc học sinh, chuyển những học sinh không đáp ứng yêu cầu học trong trường THPT chuyên và tuyển bổ sung những học sinh có năng khiếu, học giỏi ở các lớp không chuyên, các trường THPT khác vào lớp/trường chuyên nhằm đảm bảo tính cạnh tranh và phát triển liên tục.

4.3. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi dự thi Quốc gia và Quốc tế

- Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch chỉ đạo các tổ chuyên môn của trường chuyên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên sâu chi tiết, cụ thể, cập nhật đối với các kỳ thi cấp tỉnh, cấp quốc gia và hướng đến cấp khu vực và quốc tế.

- Tham mưu, đề xuất xây dựng quy chế cử những học sinh có năng lực chuyên môn tốt thường xuyên tham gia bồi dưỡng, đào tạo trong nước và quốc tế.

5. Đẩy mạnh hợp tác khu vực và quốc tế

- Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn chủ động hợp tác với những cơ sở giáo dục có uy tín ở trong và ngoài nước nhằm trao đổi kinh nghiệm bồi dưỡng, phát triển năng khiếu học sinh. Đồng thời tạo điều kiện bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ cho giáo viên. Năm 2025, trường THPT

chuyên Lê Quý Đôn hợp tác được với ít nhất 1-3 cơ sở giáo dục có uy tín trong khu vực; năm 2030 hợp tác được với ít nhất 1-2 cơ sở giáo dục có uy tín tầm quốc tế.

- Tăng cường hợp tác, giao lưu giữa các trường THPT chuyên khu vực Miền Trung, Hiệp hội các Trường THPT chuyên khu vực duyên hải Đồng bằng Bắc bộ; liên kết với Trường chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học sư phạm Huế, Đại học Ngoại ngữ Huế để đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và học sinh.

- Thường xuyên mời chuyên gia, các giáo viên có kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh giỏi về giảng dạy ngoại ngữ cho một số môn học nhằm bổ trợ kiến thức, nâng cao khả năng giao tiếp cho học sinh và đội ngũ cán bộ giáo viên của nhà trường.

6. Tăng cường các nguồn lực đầu tư và chế độ, chính sách cho giáo viên, học sinh

6.1. Tăng cường các nguồn lực đầu tư

- Tăng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước, chi thường xuyên (các hoạt động đặc thù theo mức 60% chi lương, 40% chi khác). Hiện nay đang áp dụng tỷ lệ phân bổ ngân sách theo tỷ lệ 82/18 theo Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách thời kỳ ổn định 2017-2020 và định mức chi ngân sách thường xuyên địa phương năm 2017.

- Huy động nguồn đóng góp từ nhân dân, các tổ chức kinh tế, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

- Nguồn từ hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài vào giáo dục để xây dựng cơ sở vật chất. Tăng cường phương tiện, trang thiết bị dạy học hiện đại cho trường THPT chuyên.

6.2. Chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh

* Đối với học sinh:

- Hỗ trợ chi phí học tập thường xuyên:

a) Học sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Trị thuộc một trong các diện: con hộ nghèo; mồ côi cả cha lẫn mẹ; ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc miền núi; người dân tộc thiểu số thì được nhận mức hỗ trợ chi phí học tập thường xuyên bằng 0,3 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng và được hưởng 9 tháng/năm học.

b) Học sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Trị thuộc một trong các diện: cư trú ở vùng nông thôn, thị trấn, thị xã ngoài thành phố Đông Hà, không thuộc các đối tượng nêu tại điểm a, được hỗ trợ chi phí học tập thường xuyên bằng 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng và được hưởng 9 tháng/năm học.

- Hỗ trợ học bổng khuyến khích học tập:

a) Học sinh có hạnh kiểm tốt, học lực giỏi trong học kỳ có điểm môn chuyên (trung bình của điểm học môn chuyên chính khóa và điểm kiểm tra bồi dưỡng chuyên sâu) đạt từ 8,5 đến dưới 9,0 điểm đồng thời là thành viên đội tuyển học sinh giỏi các cấp được cấp học bổng khuyến khích học tập bằng 0,5 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

b) Học sinh có hạnh kiểm tốt, học lực giỏi trong học kỳ (điểm môn chuyên đạt từ 9,0 điểm trở lên) đồng thời là thành viên đội tuyển học sinh giỏi các cấp được cấp học bổng khuyến khích học tập bằng 0,6 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

c) Học sinh đạt một trong các giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực quốc tế và quốc tế các môn văn hóa và khoa học kỹ thuật được cấp học bổng khuyến khích học tập theo các mức như sau:

Cấp Quốc gia	Giải khuyến khích	= 0,6 mức lương cơ sở/học sinh/tháng
	Giải Ba	= 0,65 mức lương cơ sở/học sinh/tháng
	Giải Nhì	= 0,7 mức lương cơ sở/học sinh/tháng
	Giải Nhất	= 0,8 mức lương cơ sở/học sinh/tháng
Cấp Khu vực và Quốc tế	Giải khuyến khích	= 0,8 mức lương cơ sở/học sinh/tháng
	Giải chính thức	= 1,0 mức lương cơ sở/học sinh/tháng

d) Thời gian cấp học bổng:

+ Đối với mức học bổng được xét theo điểm môn chuyên: Học bổng được cấp khi có kết quả học tập theo từng học kỳ và mỗi học kỳ được nhận học bổng 4,5 tháng.

+ Đối với các mức học bổng dành cho học sinh đạt các giải cấp Quốc gia, Khu vực quốc tế hoặc Quốc tế: Học bổng được cấp từ khi có quyết định công nhận giải chính thức. Thời gian cấp tối đa cho mỗi năm học là 9 tháng.

+ Trường hợp một học sinh đồng thời đạt nhiều tiêu chuẩn thì được cấp học bổng khuyến khích học tập trong năm xét theo mức cao nhất.

+ Kinh phí bố trí cho việc cấp học bổng phải đảm bảo để cấp cho tối thiểu 40% số học sinh chuyên của nhà trường.

- Hỗ trợ, đào tạo, bồi dưỡng:

a) Học sinh ở ngoài thành phố Đông Hà có điều kiện kinh tế khó khăn được ưu tiên bố trí lưu trú tại ký túc xá nhà trường.

b) Hàng năm căn cứ vào kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, học sinh giỏi tiêu biểu đạt các tiêu chí theo quy định được ưu tiên tuyển chọn tham gia các đề án, dự án đào tạo chất lượng cao trong và ngoài nước theo quy định của Tỉnh.

*** Chính sách đối với cán bộ, giáo viên**

- Chính sách ưu đãi: Cán bộ quản lý và giáo viên nhà trường được hưởng phụ cấp ưu đãi theo đúng các quy định của nhà nước đã quy định.

- Chính sách ưu tiên đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn:

a) Căn cứ kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh, cán bộ giáo viên nhà trường được ưu tiên tham gia các đề án, chương trình đào tạo cán bộ chất lượng cao trong và ngoài nước theo quy định.

b) Được ưu tiên cử học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Khi được các cấp có thẩm quyền ra quyết định cử thì được hưởng các chính sách hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng theo các quy định hiện hành.

*** Chính sách phát triển đội ngũ**

- Sinh viên nguyên là học sinh trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đạt từ giải Ba trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa hoặc sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia, đăng ký theo học ngành sư phạm đúng chuyên ngành, bộ môn đạt giải và tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi được ưu tiên hợp đồng hoặc xét đặc cách vào chỉ tiêu biên chế vào trường THPT chuyên Lê Quý Đôn.

- Giáo viên của các trường THPT công lập trong và ngoài tỉnh được điều động về công tác tại trường THPT chuyên Lê Quý Đôn phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm giảng dạy; đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên; trúng tuyển trong kỳ thi tuyển chọn giáo viên do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng 0,2 mức lương cơ sở trong 3 năm kể từ khi được phân công dạy môn chuyên.

- Hàng năm BGH nhà trường cùng các tổ chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng kịp thời nhằm đảm bảo đủ số lượng, cân đối về cơ cấu từng bước chuẩn hóa trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

- Phối hợp với một số trường Đại học sư phạm uy tín bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho giáo viên theo hướng chuẩn Quốc tế. Tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý về kiến thức, kỹ năng quản lý, bồi dưỡng giáo viên về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, phát triển chương trình, tài liệu chuyên môn, năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục khác.

- Hàng năm cử ít nhất 2 giáo viên (ưu tiên các môn tự nhiên) có khả năng sử dụng thành thạo Tiếng Anh đi tham quan thực tập ở nước ngoài để thực hiện việc dạy các môn tự nhiên bằng Tiếng Anh.Thường xuyên giao lưu học tập với hệ thống các trường THPT chuyên trong cả nước để trao đổi chuyên môn và nghiệp vụ. Tạo điều kiện cho giáo viên trường chuyên được giao lưu, học tập ở nước ngoài bằng chính sách ưu đãi của tỉnh và các nguồn lực khác.

*** Chính sách hỗ trợ bồi dưỡng tham gia đội tuyển thi Quốc gia và dự tuyển chọn đội tuyển Khu vực, Quốc tế**

- Đối với học sinh khi tập trung tập huấn dự thi Quốc gia:

a) Học sinh ở xa được bố trí chỗ ở miễn phí tại kí túc xá nhà trường trong suốt thời gian tập huấn.

b) Hỗ trợ sinh hoạt phí trong ngày bằng 0,1 mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

c) Hỗ trợ tiền ăn trong những ngày dự thi bằng 0,2 mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

d) Hỗ trợ trang phục bằng 0,4 mức lương cơ sở/học sinh/đợt.

đ) Trong thời gian tập huấn, học sinh vẫn được hưởng chế độ học bổng theo quy định.

e) Thời gian hưởng chế độ bằng số ngày tham gia tập huấn theo kế hoạch được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt nhưng tối đa không quá 90 ngày cho một kỳ thi.

- Đối với học sinh khi được Bộ GD&ĐT triệu tập tuyển chọn đội tuyển dự thi Khu vực và Quốc tế:

a) Hỗ trợ sinh hoạt phí cho những ngày tham gia bồi dưỡng bằng 0,15 mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

b) Hỗ trợ tiền ăn trong những ngày dự thi bằng 0,2 mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

c) Trong thời gian bồi dưỡng, học sinh vẫn được hưởng chế độ học bổng theo quy định.

d) Thời gian hưởng theo số ngày tham gia bồi dưỡng được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Đối với giáo viên khi tham gia bồi dưỡng đội tuyển dự thi Quốc gia:

a) Đối với giáo viên trong tỉnh mỗi tiết được tính 0,2 mức lương cơ sở.

b) Đối với giáo viên thỉnh giảng: được hưởng tiền công, tiền lương, quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng thỉnh giảng. Mức tiền công, tiền lương giao cho Hiệu trưởng trường THPT chuyên Lê Quý Đôn quyết định trong phạm vi kinh phí giao cho đơn vị nhưng không vượt quá 0,5 lần mức lương cơ sở/tiết dạy.

- Đối với giáo viên khi tham gia bồi dưỡng đội dự tuyển Khu vực và Quốc tế:

a) Đối với giáo viên trong tỉnh mỗi tiết được tính 0,25 mức lương cơ sở.

b) Đối với giáo viên thỉnh giảng: được hưởng tiền công, tiền lương, quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng thỉnh giảng. Mức tiền công, tiền lương giao cho Hiệu trưởng trường THPT chuyên Lê Quý Đôn quyết định trong phạm vi kinh phí giao cho đơn vị nhưng không vượt quá 0,6 lần mức lương cơ sở/tiết dạy.

*** Chế độ cho Hội đồng tập huấn đội tuyển học sinh giỏi dự thi Quốc gia, tham gia các trại hè, hội thảo khu vực**

- Chế độ cho Hội đồng tập huấn đội tuyển học sinh giỏi dự thi quốc gia:

Chủ tịch: 130.000 đồng/ngày tập huấn

Phó Chủ tịch: 120.000 đồng/ngày tập huấn/người

Thư ký: 110.000 đồng/ngày tập huấn

Chủ nhiệm đội tuyển: 130.000 đồng/ngày tập huấn/người

Phục vụ: 60.000 đồng/ngày tập huấn/người

- Chế độ khi tham gia các trại hè và hội thảo khu vực: Học sinh và giáo viên nhà trường được khuyến khích tham gia các trại hè chuyên môn, hội thảo chuyên đề của các hiệp hội, các trường THPT chuyên trên toàn quốc hàng năm và được thanh toán các chế độ công tác phí theo quy định hiện hành. Nguồn kinh phí sẽ được cấp bổ sung hàng năm căn cứ vào dự toán của nhà trường.

*** Chế độ khen thưởng đối với học sinh, giáo viên đạt giải Quốc gia, Quốc tế**

- Đối với học sinh

a) Giải thưởng các môn văn hóa:

<table>
<tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Thành tích</th><th colspan="3">Mức thưởng</th></tr>
<tr><th>Cấp Quốc tế</th><th>Cấp khu vực</th><th>Cấp Quốc gia</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Giải Nhất</td><td>60.000.000</td><td rowspan="4">Bằng 80% tương ứng từng mức của giải Quốc tế</td><td>20.000.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Giải Nhì</td><td>40.000.000</td><td>10.000.000</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Giải Ba</td><td>20.000.000</td><td>8.000.000</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Giải Khuyến khích</td><td>10.000.000</td><td>5.000.000</td></tr>
</table>

Ngoài ra, các học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Quốc gia, Khu vực và Quốc tế được nhận được giải thưởng Bùi Dục Tài, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh; học sinh đạt giải Khuyến khích được nhận Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Giải thưởng các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật:

STT	Thành tích	Mức thưởng
1	Đạt giải chung cuộc cấp Quốc gia, Khu vực quốc tế hoặc	Bằng mức giải tương ứng của giải các môn văn hóa Quốc gia, Khu vực quốc tế

	Quốc tế	hoặc Quốc tế
2	Đạt giải lĩnh vực cấp Quốc gia, Khu vực quốc tế hoặc Quốc tế	Bằng 80% mức giải tương ứng của giải các môn văn hóa Quốc gia, Khu vực quốc tế hoặc Quốc tế
3	Đạt giải cấp Tỉnh	Giám đốc Sở GD&ĐT quyết định mức thưởng

c) Giải viết thư cấp quốc tế UPU, đạt giải trong cuộc thi chung kết năm Đường lên đỉnh Olympia:

STT	Thành tích	Mức thưởng
1	Đạt giải viết thư cấp quốc tế UPU	Bằng mức giải tương ứng của các môn văn hóa cấp Quốc tế
2	Đạt giải trong cuộc thi chung kết năm Đường lên đỉnh Olympia	Bằng mức giải tương ứng của các môn văn hóa cấp Quốc gia

d) Các giải thưởng trong các kỳ thi chính thức:

+ Bộ GD&ĐT hoặc các Hiệp hội các trường chuyên tổ chức mức thưởng bằng 20% mức giải thưởng tương ứng cấp Quốc gia các môn văn hóa;

+ Sở GD&ĐT tổ chức do Giám đốc Sở GD&ĐT quyết định.

- Đối với giáo viên:

a) Tiền thưởng cho giáo viên hoặc Tổ giáo viên bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi cấp Quốc gia, Khu vực quốc tế và Quốc tế:

+ Giáo viên, Tổ giáo viên bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi có học sinh đạt giải trong các kì thi Quốc gia các môn văn hóa và khoa học kỹ thuật được thưởng bằng tổng giải thưởng tương ứng của học sinh đạt giải.

+ Giáo viên, tổ giáo viên trực tiếp tham gia bồi dưỡng cho học sinh dự tuyển vào đội tuyển dự thi các kỳ thi Khu vực quốc tế và Quốc tế các môn văn hóa và khoa học kỹ thuật được thưởng bằng 70% mức thưởng của học sinh đạt giải.

Trường hợp một học sinh đồng thời đạt được nhiều giải thì chỉ thưởng cho giáo viên, Tổ giáo viên tham gia bồi dưỡng theo mức thưởng có học sinh đạt giải cao nhất.

b) Đối với các kỳ thi khác trường THPT chuyên Lê Quý Đôn trình Giám đốc Sở GD&ĐT xem xét và quyết định.

7. Đổi mới công tác quản lý

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh và xã hội về mục tiêu phát triển trường THPT chuyên trong giai đoạn mới.

- Tăng cường quyền chủ động về quản lý, đánh giá nhân sự, tài chính, tuyển sinh, quản lý chuyên môn, công tác xã hội hóa giáo dục nhằm phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên.

- Tăng cường việc đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục trường THPT chuyên như đánh giá khách quan, công bằng, chính xác chất lượng trường học, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, tạo động lực nâng cao chất lượng.

- Tăng cường quyền sử dụng cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Chú trọng việc tăng lương trước thời hạn hoặc vượt bậc lương cho các giáo viên đạt thành tích cao trong giảng dạy và bồi dưỡng học sinh.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý trường trung học phổ thông chuyên. Mở rộng công tác theo dõi, thống kê chất lượng học tập và sự thành công trong công tác xã hội của cựu học sinh THPT chuyên Lê Quý Đôn.

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí thực hiện Đề án: Tổng kinh phí thực hiện Đề án là 85,00 tỷ đồng; bao gồm các nội dung sau:

- Dự án 1: Xây dựng cơ bản và sửa chữa (*bao gồm các hạng mục: Cải tạo, sửa chữa ký túc xá hiện có; Xây mới nhà ký túc xá; Cải tạo nhà đa năng; Cải tạo nhà học bộ môn; Xây dựng mới nhà nhà làm việc bộ môn; Các hạng mục phụ trợ, Hàng rào; Khu luyện tập thể dục thể thao; Cải tạo, sửa chữa nhà ăn; Khuôn viên, sân trường; Xây mới nhà đa chức năng; Sửa chữa các khu nhà học xuống cấp; Sửa chữa khu công viên trước và trong trường*): 50,00 tỷ đồng(*Năm mươi tỷ đồng*).

- Dự án 2: Mua sắm trang thiết bị: 25,00 tỷ đồng (*Hai mươi lăm tỷ đồng*).

- Dự án 3: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh: 5,00 tỷ đồng (*Năm tỷ đồng*).

- Dự án 4: Hợp tác trong nước và quốc tế: 5,00 tỷ đồng (*Năm tỷ đồng*).

2. Nguồn vốn và phân theo kỳ đầu tư:

2.1. Nguồn vốn đầu tư: Tổng kinh phí thực hiện Đề án là 85,00 tỷ đồng; Trong đó:

+ Vốn đối ứng địa phương: 29,91 tỷ đồng;

+ Vốn Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (ADB): 12,04 tỷ đồng;

+ Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương (*nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và nguồn vốn hỗ trợ thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây*

dựng nông thôn mới) theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025: 32,00 tỷ đồng;

+ Nguồn huy động đóng góp từ nhân dân, các tổ chức kinh tế, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác: 11,05 tỷ đồng;

2.2. Phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 2019 - 2020: Đầu tư xây dựng các hạng mục: Cải tạo, sửa chữa ký túc xá hiện có; Xây mới nhà ký túc xá; Cải tạo nhà đa năng; Cải tạo nhà học bộ môn; Xây dựng mới nhà nhà làm việc bộ môn; Các hạng mục phụ trợ (*đã được phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 06/12/2019*) với tổng mức đầu tư: 14,95 tỷ đồng; Trong đó:

+ Vốn đối ứng địa phương: 2,91 tỷ đồng;

+ Vốn Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (ADB): 12,04 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tiến hành lập kế hoạch vốn đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền đưa vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 để đầu tư xây dựng các hạng mục (*Hàng rào; Khu luyện tập thể dục thể thao; Cải tạo, sửa chữa nhà ăn; Khuôn viên, sân trường và các hạng mục phụ trợ...*); Mua sắm trang thiết bị dạy học và cử cán bộ, giáo viên học tập nâng cao trình độ; mở rộng quan hệ hợp tác trong và ngoài nước với tổng kinh phí: 32,00 tỷ đồng; Trong đó:

+ Vốn đối ứng địa phương: 12,00 tỷ đồng;

+ Vốn ngân sách Trung ương (*nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và nguồn vốn hỗ trợ thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*) theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025: 15,00 tỷ đồng;

+ Nguồn huy động đóng góp từ nhân dân, các tổ chức kinh tế, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác: 5,00 tỷ đồng;

- Giai đoạn 2026-2030: Tiến hành lập kế hoạch vốn đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền đưa vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 để đầu tư xây dựng các hạng mục (Xây mới nhà đa chức năng; Sửa chữa các khu nhà học xuống cấp; Sửa chữa khu công viên trước và trong trường); Mua sắm thiết bị dạy và học; Cử cán bộ, giáo viên đi học tập nâng cao trình độ với tổng kinh phí: 38,05 tỷ đồng; Trong đó:

+ Vốn đối ứng địa phương: 15,00 tỷ đồng;

+ Vốn ngân sách Trung ương (*nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và nguồn vốn hỗ trợ thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*) theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục

mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025: 17,00 tỷ đồng;

+ Nguồn huy động đóng góp từ nhân dân, các tổ chức kinh tế, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác: 6,05 tỷ đồng;

3. Nguồn kinh phí chi thường xuyên

Căn cứ nhu cầu kinh phí chi thường xuyên ngân sách hàng năm theo đề án đã được phê duyệt, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

4. Nguồn huy động đóng góp từ nhân dân, các tổ chức kinh tế, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

Hàng năm, tùy theo điều kiện nguồn kinh phí đầu tư để thực hiện Đề án và khả năng cân đối nguồn vốn, thời gian thực hiện Đề án được đẩy nhanh tiến độ trong quá trình triển khai thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án phát triển trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, kính đề nghị Hội đồng Nhân dân tỉnh giao cho Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, phân công nhiệm vụ như sau:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành và UBND thành phố Đông Hà cụ thể hóa nội dung đề án thành chương trình, kế hoạch để chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện cho từng năm và giai đoạn, tháo gỡ những vướng mắc về thủ tục, cơ chế đảm bảo các vấn đề liên quan đến tài chính, quan hệ quốc tế;

- Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện đề án theo từng năm, từng giai đoạn để bổ sung, điều chỉnh cũng như đề ra giải pháp, chính sách đồng bộ, đảm bảo thực hiện tốt đề án, phù hợp với thực tiễn địa phương. Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện đề án, báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính huy động và bố trí lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện đề án hàng năm và cho từng giai đoạn.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, Ban ngành liên quan đề xuất Uỷ ban nhân dân tỉnh các chế độ, chính sách về kinh tế, tài chính để thực hiện đề án. Đồng thời cấp kinh phí triển khai thực hiện sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm các trang thiết bị dạy học.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, Ban ngành liên quan thống nhất cơ chế, nhu cầu tuyển dụng, bồi dưỡng cán bộ giáo viên và đào

tạo cán bộ quản lý. Trình Uỷ ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong các giai đoạn.

5. Ủy ban Nhân dân thành phố Đông Hà

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các Cơ quan, Ban ngành cấp thành phố tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, xã hội hóa giáo dục.

6. Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

Giai đoạn từ nay đến năm 2025

- Cơ bản hoàn thành việc mở rộng trường, xây dựng các hạng mục công trình và mua sắm trang thiết bị dạy học, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin - viễn thông. Tập trung cho việc cử cán bộ quản lý, giáo viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là cử cán bộ, giáo viên học sau đại học. Tổ chức các hội thảo trong nước và quốc tế để trao đổi kinh nghiệm quản lý và giáo dục;

- Đổi mới công tác lãnh đạo, thay đổi phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá. Xây dựng và hoàn thiện chương trình giáo dục toàn diện cho học sinh chuyên đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển năng khiếu ở trường trung học phổ thông chuyên.

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo về cơ cấu, chất lượng và số lượng;

- Mở rộng quy mô về số lớp, số học sinh:

+ Năm học 2018-2019 tuyển sinh 9 môn chuyên (lớp ghép Sử + Địa) với tổng số học sinh: 25 lớp x 30 em = 750 học sinh;

+ Từ năm năm học 2019 – 2020 trở đi, hàng năm tuyển sinh đủ 09 lớp chuyên và 02 lớp không chuyên (01 lớp khoa học tự nhiên và 01 lớp khoa học xã hội). Tổng số 33 lớp x 30 em = 990 học sinh.

- Hoàn thiện chiến lược tuyển sinh vào lớp 10. Thực hiện đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân đã được phê duyệt. Thực hiện dạy học các môn Toán và Hoá bằng tiếng Anh vào năm 2020, môn Lý và Sinh vào năm 2025;

- Trong năm 2025 hoàn thành việc quy hoạch tổng thể nhà trường theo dự án đã được phê duyệt. Trang bị đầy đủ các thiết bị thí nghiệm thực hành hiện đại đáp ứng yêu cầu của các trường THPT chuyên; các phương tiện nghe nhìn, phòng học ngoại ngữ đạt chuẩn.

Giai đoạn từ 2025 đến 2030

- Tiếp tục củng cố, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã triển khai ở giai đoạn trước;

- Xây dựng Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn thành trường THPT đạt chuẩn quốc gia ở mức độ cao;

- Nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ, Tin học. Đưa Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn vào top những trường THPT chuyên trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên triển khai dạy học và bồi dưỡng chuyên sâu bằng Tiếng Anh đối với các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học;

- Nâng cấp và hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng việc giáo dục toàn diện cho học sinh;

- Mở rộng quan hệ hợp tác giao lưu quốc tế nhằm nâng cao năng lực quản lý, giáo dục và đào tạo./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chính

Phụ lục:
Định mức chế độ chính sách giáo viên và học sinh
Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi theo QĐ 1349/QĐ-UBND ngày 29/7/2013 của UBND tỉnh	Mức chi theo Đề án đề xuất	Ghi chú
I	**Mức học bổng khuyến khích học tập**				
1	Đối với học sinh xét điểm môn chuyên	đồng/tháng/học sinh			
	Loại 1		*320,000*	*650,000*	*2.03*
	Loại 2		*240,000*	*780,000*	*3.25*
2	Đối với học sinh đạt giải Quốc gia	đồng/tháng/học sinh			
	Giải nhất		*560,000*	*1,040,000*	*1.86*
	Giải nhì		*480,000*	*910,000*	*1.90*
	Giải ba		*400,000*	*845,000*	*2.11*
	Giải khuyến khích		*320,000*	*780,000*	*2.44*
3	Đối với học sinh đạt giải Quốc tế	đồng/tháng/học sinh			
	Huy chương vàng		*800,000*	*1,300,000*	*1.63*
	Huy chương bạc		*640,000*	*1,300,000*	*2.03*
	Huy chương đồng		*480,000*	*1,300,000*	*2.71*
	Giải khuyến khích		*0*	*1,300,000*	
4	Đối với học sinh đạt giải khu vực Quốc tế	đồng/tháng/học sinh			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi theo QĐ 1349/QĐ-UBND ngày 29/7/2013 của UBND tỉnh	Mức chi theo Đề án đề xuất	Ghi chú
	Huy chương vàng		*640,000*	*1,300,000*	*2.03*
	Huy chương bạc		*512,000*	*1,300,000*	*2.54*
	Huy chương đồng		*384,000*	*1,300,000*	*3.39*
	Giải khuyến khích		*0*	*1,040,000*	
II	**Mức trợ cấp sinh hoạt**				
1	Học sinh hộ nghèo trong toàn tỉnh, dân tộc thiểu số ở các xã miền núi khó khăn	đồng/tháng/học sinh	160,000	390,000	2.44
2	Học sinh cư trú vùng nông thôn, thị trấn, thị xã ... ngoài TP Đông Hà	đồng/tháng/học sinh	80,000	260,000	3.25
III	**Chế độ thưởng**				
1	Đối với học sinh		Theo quy chế Bùi Dục Tài		
1.1	Đối với học sinh đạt giải Quốc gia				
	Giải nhất			*20,000,000*	
	Giải nhì			*10,000,000*	
	Giải ba			*8,000,000*	
	Giải khuyến khích			*5,000,000*	
1.2	Đối với học sinh đạt giải Quốc tế				
	Huy chương vàng			*60,000,000*	
	Huy chương bạc			*40,000,000*	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi theo QĐ 1349/QĐ-UBND ngày 29/7/2013 của UBND tỉnh	Mức chi theo Đề án đề xuất	Ghi chú
	Huy chương đồng			*20,000,000*	
	Giải khuyến khích			*10,000,000*	
1.3	Đối với học sinh đạt giải khu vực Quốc tế				
	Huy chương vàng			*48,000,000*	
	Huy chương bạc			*32,000,000*	
	Huy chương đồng			*16,000,000*	
	Giải khuyến khích			*8,000,000*	
2	Đối với giáo viên				
2.1	*Thưởng cho GV, tổ GV tham gia bồi dưỡng có học sinh đạt giải Quốc gia và Quốc tế*	*Giải*			
	Giải nhất Quốc gia		*6,000,000*	*20,000,000*	
	Giải nhì Quốc gia		*5,000,000*	*10,000,000*	
	Giải ba Quốc gia		*4,000,000*	*8,000,000*	
	Giải khuyến khích Quốc gia		*0*	*5,000,000*	
	Huy chương vàng Quốc tế		*20,000,000*	*42,000,000*	
	Huy chương bạc Quốc tế		*18,000,000*	*28,000,000*	
	Huy chương đồng Quốc tế		*15,000,000*	*14,000,000*	
	Giải khuyến khích Quốc tế		*0*	*7,000,000*	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi theo QĐ 1349/QĐ-UBND ngày 29/7/2013 của UBND tỉnh	Mức chi theo Đề án đề xuất	Ghi chú
2.2	Thưởng cho GV, tổ GV tham gia bồi dưỡng có học sinh đạt giải khu vực Quốc tế				
	Huy chương vàng KV Quốc tế		*16,000,000*	*33,600,000*	
	Huy chương bạc KV Quốc tế		*14,400,000*	*22,400,000*	
	Huy chương đồng KV Quốc tế		*12,000,000*	*11,200,000*	
	Giải khuyến khích KV Quốc tế		*0*	*5,600,000*	
IV	**Chế độ hỗ trợ tham gia bồi dưỡng**				
1	Đối với học sinh				
1.1	Thi Quốc gia				
	Chi tiền ăn cho học sinh trong những ngày tập huấn	*Người/ngày*	*40,000*	*130,000*	
	Chi tiền ăn cho học sinh trong những ngày thi	*Người/ngày*	*200,000*	*260,000*	
	Hỗ trợ trang phục cho các em trong đội tuyển	*Lần*	*0*	*260,000*	
1.2	Tham gia đội dự tuyển khu vực và Quốc tế				
	Chi tiền ăn cho học sinh trong những ngày tập huấn	*Người/ngày*	*0*	*195,000*	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi theo QĐ 1349/QĐ-UBND ngày 29/7/2013 của UBND tỉnh	Mức chi theo Đề án đề xuất	Ghi chú
	Chi tiền ăn cho học sinh trong những ngày thi	*Người/ngày*	*0*	*260,000*	
2	Đối với giáo viên				
2.1	Thi Quốc gia				
	Giáo viên trong tỉnh	*Tiết*	*150,000*	*260,000*	
	Giáo viên thỉnh giảng (Mức tối đa)	*Tiết*	*250,000*	*650,000*	
2.2	Tham gia giảng dạy đội dự tuyển khu vực và Quốc tế				
	Giáo viên trong tỉnh	*Tiết*	*0*	*325,000*	
	Giáo viên thỉnh giảng (Mức tối đa)	*Tiết*	*0*	*780,000*	
IV	**Chế độ cho Hội đồng tập huấn đội tuyển học sinh giỏi dự thi Quốc gia…**	*Người/ngày*			
1	Chủ tịch		50,000	130,000	
2	Phó Chủ tịch		40,000	100,000	
3	Thư ký		30,000	80,000	
4	Chủ nhiệm đội tuyển		30,000	130,000	
5	Phục vụ		30,000	60,000	